

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 222/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 29 / 6 / 2021  
“V/v tranh chấp hôn nhân và gia  
đình ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thái Chí Bình.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
  1. Ông Tô Ngọc Liêm;
  2. Bà Hoàng Thị Thiện Lai.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Tấn Kiệt, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Thanh Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 274/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2021 về việc “tranh chấp hôn nhân và gia đình ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 246/2021/QĐST-DS ngày 08 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

***Nguyên đơn:*** Bà Phương Thị Lệ T, sinh năm 1990; địa chỉ: số A, ấp B, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; có mặt.

***Bị đơn:*** Ông Trương Văn G, sinh năm 1992; địa chỉ: ấp A, xã H, huyện C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phương Thị Lệ T trình bày, qua thời gian tìm hiểu, bà T và ông Trương Văn G chung sống với nhau vào năm 2018, không đăng ký kết hôn

theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phương Kim C, sinh ngày 24/02/2019. Hiện tại, con chung đang được bà T nuôi dưỡng. Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Sau thời gian chung sống, đến cuối năm 2019, bà T, ông G thường cãi vã do không tôn trọng nhau. Vợ chồng không còn sống chung cách thời điểm mà bà T khởi khoảng 06 tháng.

Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu được ly hôn với ông G; yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi dạy con chung; không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện: Bản sao giấy khai sinh số 123 ngày 24/3/2021 của Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh An Giang đối với Phương Kim C, sinh ngày 24/02/2019.

- Bị đơn ông Trương Văn G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn trình bày ý kiến, yêu cầu như đã cung cấp trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và xác định không còn tài liệu, chứng cứ nào khác để cung cấp thêm.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Về quan hệ hôn nhân, bà T và ông G kết hôn vào năm 2018, không đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà T, ông G không được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà T, ông G là vợ chồng theo các Điều 14, 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về con chung, đề nghị chấp nhận ý kiến của bà T, giao cháu C cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Do bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, không có nên đề nghị không đề cập giải quyết.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 14, 53, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, không công nhận bà T, ông G là vợ chồng; giao cháu C cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông G không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

#### **[1] Về tố tụng:**

Bà Phương Thị Lệ T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trương Văn G. Đồng thời, ông G cư trú trên địa bàn huyện C. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Trương Văn G đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông G theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

#### **[2] Về nội dung:**

##### **[2.1] Về hôn nhân:**

Bà Phương Thị Lệ T khai, sau thời gian tìm hiểu, bà T và ông G chung sống vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn.

Xét, bà T và ông G chung sống với nhau vào năm 2018 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vì vậy, không công nhận bà T và ông G là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

**[2.2] Về con chung:** Bà T xác định trong thời gian chung sống, vợ chồng có sinh 01 con chung tên Phương Kim C, sinh ngày 24/02/2019. Bà T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Xét thấy, con chung đang được bà T chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu C phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu C cho bà T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, do bà T không yêu cầu ông G cấp dưỡng nuôi dưỡng cháu C nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:** Bà T xác định không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Ông G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ khoản 1 Điều 14, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; các Điều 144, 147, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Phương Thị Lệ T và ông Trương Văn G là vợ chồng.

2. Về con chung:

Bà Phương Thị Lệ T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Phương Kim C, sinh ngày 24 tháng 02 năm 2019. Ông Trương Văn G không phải cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Bà Phương Thị Lệ T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trương Văn G trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3. Về án phí sơ thẩm:

Bà Phương Thị Lệ T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0002244 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh An Giang cấp ngày 31 tháng 3 năm 2021; bà Phương Thị Lệ T đã nộp đủ án phí.

Ông Trương Văn G không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà Phương Thị Lệ T có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trương Văn G được tính là 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Chợ Mới (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS huyện C (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thái Chí Bình**